

Bản án số: 21/2023/HSST

Ngày: 07 - 02 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C K, TỈNH P T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đ T T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông N V T , ông N V T ;

- Thư ký Toà án: Bà H T C V - Thư ký Toà án nhân dân huyện C K , tỉnh P T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C K , tỉnh P T tham gia phiên tòa: Bà N T Q N - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện C K , tỉnh P T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2023/HSST ngày 13/01/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. P K K , sinh năm 1970, tại xã Đ L , huyện C K , tỉnh P T ; Nơi cư trú: khu C , xã L , huyện C K , tỉnh P T ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 07/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông P K B (đã chết) và bà B T D (đã chết); Vợ là Đ T L , sinh năm 1975; Bị cáo có 04 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án số 10/HSST ngày 13/5/2004 của Tòa án nhân dân huyện C K xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc. Hiện nay K đã chấp hành xong hình phạt và đã được xoá án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 17/11/2022, đến ngày 20/11/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại tại xã Đ , huyện C K , tỉnh P T (Có mặt).

2. V Q T , sinh năm 1984, thường trú tại: khu 7, xã G T , huyện P N, tỉnh P T ; Nơi ở hiện nay: khu V, xã Đ , huyện C K , tỉnh P T ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông V V X , sinh năm 1954 và bà H T D , sinh năm 1956; Vợ là L T H B M , sinh năm 1982, Bị cáo có 01 con.

Tiền án , Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 17/11/2022, đến ngày 20/11/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại tại xã Đ , huyện C K , tỉnh P T . (Có mặt).

3. H Q Đ , sinh năm 1950, tại xã Đ L , huyện C K , tỉnh P T ; Nơi cư trú: khu V , xã Đ , huyện C K , tỉnh P T ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông H H H (đã chết) và bà H T Đ (đã chết); Vợ là L T P , sinh năm 1967; Bị cáo có 02 con.

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 17/11/2022, đến ngày 20/11/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại tại xã Đ , huyện C K , tỉnh P T . (Có mặt).

4. C V Q , sinh năm 1948, tại xã V , huyện C K , tỉnh P T ; Nơi cư trú: tổ dân phố 10, phường T, quận N , TP H; Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu trí; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông C V B (đã chết) và bà N T V (đã chết); Vợ là N T L , sinh năm 1948. Bị cáo có 04 con.

Chức vụ: Không

Đảng Viên: Không

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 17/11/2022, đến ngày 20/11/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại tại phường T, quận N, thành phố H (Có mặt).

5. N V B , sinh năm 1958, tại xã Y , huyện C K , tỉnh P T . Nơi cư trú: khu S , xã Y , huyện C K , tỉnh P T ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/7; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N V S (đã chết) và bà H T M (đã chết); Vợ là L T M i, sinh năm 1957; Bị cáo có 04 con.

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 20/11/2022. Bị cáo tại ngoại tại xã Y , huyện C K , tỉnh P T . (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào hồi 15 giờ 15 phút ngày 17/11/2022, tại quán bán hàng của N V B - sinh năm 1958, trú tại: khu S , xã Y , huyện C K , tỉnh P T , Công an huyện C K phối hợp cùng Công an xã Y , huyện C K bắt quả tang C V Q - sinh năm 1948, trú tại: tổ dân phố 10, phường T , quận N , thành phố H ; H Q Đ - sinh năm 1950, trú tại: khu Đ , xã Đ , huyện C K , tỉnh P T ; P K K - sinh năm 1970, trú tại: khu C , xã Đ , huyện C K , tỉnh P T ; V Q T - sinh năm 1984, trú

tại: khu V, xã Đ, huyện C K, tỉnh P T đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh phỏm, sát phạt nhau bằng tiền.

Vật chứng thu giữ:

+ Thu tại chiếu bạc: 05 ghế bằng nhựa màu nâu, 01 bàn tròn loại bàn gấp bằng kim loại, 01 vỏ chăn có hoa văn, 01 vỏ hộp sữa Ensure bằng kim loại, bên trong có 260.000đ, 52 quân bài tứ lơ khơ, 11.450.000đ.

+ Thu giữ của C V Q : 01 ví giả da màu nâu, bên trong có 1.500.000đ, tại chỗ, Q khai nhận số tiền trên Q sử dụng vào mục đích đánh bạc.

+ Thu giữ của H Q Đ : 01 ví giả da màu nâu, bên trong có 1.200.000đ, tại chỗ, Đ khai nhận số tiền trên Đ sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Cùng ngày, cơ quan CSĐT Công an huyện C K đã ra quyết định tạm giữ đối với C V Q, H Q Đ, P K K, V Q T.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau:

Khoảng gần 14 giờ ngày 17/11/2022, C V Q, H Q Đ, P K K, V Q T đến nhà N V B ở khu S, xã Y, huyện C K, tỉnh P T chơi. Tại đây, các đối tượng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh phỏm, được thua bằng tiền, thống nhất, trong ván bài, người nào về thứ hai thua 10.000đ, người nào về thứ ba thua 20.000đ, người nào về thứ tư thua 30.000đ, người nào “cháy” thua 40.000đ, người nào “ù” mỗi người phải trả cho người ù 50.000đ, quá trình đánh bạc, ai “ù” tự nguyện bỏ ra 20.000đ để mua chè, thuốc lá cho tất cả người chơi bạc cùng sử dụng, tất cả đều đồng ý. B là người lấy 01 vỏ chăn trải ra bàn tròn loại bàn gấp bằng kim loại ở gian bán hàng của gia đình, lấy ghế nhựa để các đối tượng ngồi đánh bạc, lấy bộ bài tứ lơ khơ có sẵn ở nhà B để sử dụng đánh bạc. Các đối tượng lấy 01 vỏ hộp sữa Ensure có sẵn ở nhà B để các đối tượng bỏ tiền vào.

Hình thức đánh phỏm là: Sử dụng 52 quân bài tứ lơ khơ chia cho mỗi người 9 quân, người chia bài được chia 10 quân, số bài còn lại được đặt ở giữa để người chơi bốc. Sau đó tất cả cùng lên bài, người chia bài là người được đánh đầu tiên, những người chơi tiếp theo sẽ được đánh theo thứ tự từ phải sang trái tính từ người đánh đầu tiên. Sau khi đánh 1 quân bài, nếu người ngồi cạnh bên tay phải người đánh ăn quân bài tạo thành 01 phỏm (3 quân bài liên tiếp đồng chất hoặc 03 quân bài giống nhau), nếu không ăn bốc 01 quân bài ở số bài còn lại để ở giữa rồi tiếp tục đánh. Quá trình đánh bạc, nếu ai có đủ 03 phỏm là “ù” thì thắng bạc và mỗi người còn lại phải trả cho người “ù” 50.000đ, nếu không có ai ù, sau khi mỗi người đánh đủ 04 quân bài sẽ tính điểm, ai không có phỏm nào thì là “cháy” và phải trả cho người thắng bạc 40.000đ, những người có phỏm so điểm với nhau, ai nhiều điểm nhất phải trả cho người thắng bạc 30.000đ, nhiều điểm thứ ba phải trả cho người thắng bạc 20.000đ, nhiều điểm thứ hai phải trả cho người thắng bạc 10.000đ, người ít điểm nhất là người thắng bạc. Ván đầu tiên K là người chia bài.

Trước khi tham gia đánh bạc B có 1.000.000đ, B sử dụng hết vào mục đích đánh bạc; Đ có 1.500.000đ, Đ lấy ra 300.000đ sử dụng vào mục đích đánh bạc, số tiền còn lại 1.200.000đ, Đ để trong 01 ví giả da màu nâu, khi nào chơi hết 300.000đ,

Đ tiếp tục sử dụng số tiền còn lại 1.200.000đ để đánh bạc; K có 1.010.000đ, K sử dụng hết vào mục đích đánh bạc; T có 9.400.000đ, T sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc được khoảng 20 phút thì C V Q đến quán nhà B chơi. Vì hình thức đánh phỏm chỉ chơi nhiều nhất 04 người cùng một lúc nên Q vào chơi thay cho B, lúc này B không thắng bạc cũng không thua bạc còn số tiền 1.000.000đ B vẫn để trên bàn. Trước khi đánh bạc Q có 1.500.000đ, Q để trong 01 ví giả da màu nâu, Q sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Do B và Q không đánh bạc cùng nhau nên B không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền đánh bạc của Q và Q không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền đánh bạc của B còn Đ, T, K phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền đánh bạc của B và Q. Do vậy, tổng số tiền B phải chịu trách nhiệm hình sự là 12.910.000đ (*mười hai triệu chín trăm mười nghìn đồng*), tổng số tiền Q phải chịu trách nhiệm hình sự là 13.410.000đ (*mười ba triệu bốn trăm mười nghìn đồng*), tổng số tiền Đ, T, K phải chịu trách nhiệm hình sự là 14.410.000đ (*mười bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng*),

Quá trình đánh bạc các bị cáo không phải nộp tiền “hồ” (tiền thuê địa điểm) cho ai và cũng không ai yêu cầu nộp tiền “hồ”.

Các bị cáo đánh bạc liên tục đến 15 giờ 15 phút cùng ngày thì bị Công an huyện C K phối hợp cùng Công an xã Y, huyện C K phát hiện, bắt quả tang.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo: N V B, C V Q, H Q Đ, P K K, V Q T đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như đã nêu trên. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ; phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Do đó, Cáo trạng số 03/2023/CT-VKS-HS ngày 13/01/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện C K truy tố các bị cáo N V B, C V Q, H Q Đ, P K K, V Q T phạm tội “Đánh bạc”.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo P K K.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V Q T

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, o, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo H Q Đ

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, o, s, v khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo C V Q

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, p, x, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo N V B

- Tuyên các bị cáo P K K, V Q T, H Q Đ, C V Q, N V B phạm tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo P K K từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 17/11/2022 đến ngày 20/11/2022 là 03 ngày tạm giữ được quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo K còn phải chấp hành là 11 (Mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày đến 14 (mười bốn) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo tính từ ngày UBND xã Đ, huyện C, tỉnh P T được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo P K K cho UBND xã Đ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương xã Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Buộc bị cáo P K K phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và 05 ngày trong một tuần.

Trong Thời gian thực hiện hình phạt cải tạo không giam giữ bị cáo Phùng Kim Khánh phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại luật Thi hành án hình sự.

+ Xử phạt bị cáo H Q Đ từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 17/11/2022 đến ngày 20/11/2022 là 03 ngày tạm giữ được quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Đ còn phải chấp hành là 05 (năm) tháng 21 (hai mươi một) ngày đến 8 (tám) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo tính từ ngày UBND xã Đ Lương, huyện C K, tỉnh P T được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo H Q Đ cho UBND xã Đ L giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương xã Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo N V B từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 17/11/2022 đến ngày 20/11/2022 là 03 ngày tạm giữ được quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn lại bị cáo B phải chấp hành hình phạt là từ 05 (năm) tháng 21 (hai mươi một) ngày đến 08 (tám) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo tính từ ngày UBND xã Y, huyện C K, tỉnh P T được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo N V B cho UBND xã Y giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương xã Y trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong Thời gian thực hiện hình phạt cải tạo không giam giữ bị cáo H Q Đ, bị cáo N V B phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại luật Thi hành án hình sự.

Do bị cáo H Q Đ là người cao tuổi, bị cáo N V B là người khuyết tật nặng nên không buộc các bị cáo lao động phục vụ trong cộng đồng.

- Về khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo P K K

Bị cáo H Q Đ là người cao tuổi, bị cáo N V B là người khuyết tật nên được miễn khấu trừ thu nhập.

- Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo N V B, H Q Đ, P K K

+ Xử phạt bị cáo C V Q từ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) đến 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo V Q T từ 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) đến 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo C V Q , V Q T , do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo.

- **Về xử lý vật chứng vụ án:** Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1; khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Các vật chứng là 05 ghế nhựa màu nâu; 01 bàn tròn loại bàn gấp bằng kim loại, 01 vỏ chăn có hoa văn, 01 vỏ hộp sữa ensure bằng kim loại. Đây là các tài sản của gia đình bị cáo N V B và là vật chứng trong vụ án các bị cáo sử dụng để làm công cụ, phương tiện đánh bạc. Tại phiên tòa bị cáo B trình bày do các tài sản trên không còn giá trị sử dụng và bị cáo không xin lại nên cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với 052 quân bài Tú lơ khơ, đây là vật chứng các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội Đánh bạc nên cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với số tiền là 14.410.000 đồng. Đây là khoản tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu để nộp vào ngân sách nhà nước.

01 ví da màu nâu của bị cáo Q ; 01 ví da màu nâu của bị cáo Đ . Đây là tài sản của hai bị cáo không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho các bị cáo.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

Buộc các bị cáo: P K K , V Q T , H Q Đ , C V Q , N V B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tham gia tranh luận đối với bản luận tội và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều ăn năn về hành vi vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2]. Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án về thời gian, diễn biến nội dung sự việc, có căn cứ kết luận: trong khoảng thời gian từ 14 giờ đến 14 giờ 20 phút ngày 17/11/2022, tại quán bán hàng của N V B , ở khu S , xã Y , huyện C K , tỉnh P T . N V B , H Q Đ , P K K , V Q T , có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh phỏm sát phạt nhau bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 12.910.000.000 đồng. Do đó số tiền B phải chịu là 12.910.000đồng.

Đến khoảng 14 giờ 20 phút ngày 17/11/2022 thì C V Q đến quán của N V B ở khu S , xã Y , huyện C K và thay cho N V B tiếp tục đánh bạc. Trong khoảng thời gian từ 14 giờ 20 phút đến 15 giờ 15 phút ngày 17/11/2022 C V Q , H Q Đ , P K K , V Q T có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh phỏm sát phạt nhau bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 13.410.000.000 đồng. Do đó số tiền C V Q phải chịu trách nhiệm hình sự là 13.410.000đồng.

H Q Đ , P K K , V Q T đã đánh bạc liên tục từ 14 00 phút đến 15 giờ 15 phút ngày 17/11/2022 với N V B và C V Q . nên tổng số tiền các bị cáo đánh bạc phải chịu trách nhiệm hình sự là 14.410.000 đồng.

Hành vi và số tiền các bị cáo đánh bạc đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự như sau:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do vậy bản cáo trạng số 03/2023/CT-VKS- HS ngày 13/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C K truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội.

[3]. Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc sát phạt nhau được thua bằng tiền là hành vi mà pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình thực hiện. Tuy nhiên đây là vụ án đánh bạc đồng phạm mang tính chất giản đơn, tính chất của hành vi phạm tội là ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị trên địa bàn, ảnh hưởng đến môi trường và cuộc sống lành mạnh trong dân cư, dư luận xã hội bất bình, lên án, do đó hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai

báo, tỏ ra ăn năn hối cải.

4.1. Trong vụ án này P K K có nhân thân tại bản án số 10/2020/HSST ngày 13/5/2004 bị Toà án nhân dân huyện C K , tỉnh P T xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc” bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Xét thấy việc chưa cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ giáo dục chung và phòng ngừa riêng trong xã hội và buộc bị cáo K thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng.

4.2. Bị cáo N V B , C V Q , H Q Đ , V Q T : Trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo B được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, p, x, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Q trong quá trình điều tra đã xác minh làm rõ tại phường T và quận N không có đảng viên nào tên là C V Q . Do đó có căn cứ khẳng định trong vụ án này C V Q không phải là Đảng viên vi phạm pháp luật. Bị cáo Q được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, o, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, o, s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và có nơi ở rõ ràng. Xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo N V B , H Q Đ mức hình phạt tương ứng với số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc cũng đủ giáo dục chung và phòng ngừa riêng trong xã hội. Do bị cáo H Q Đ là người cao tuổi, bị cáo N V B là người khuyết tật nặng nên không buộc các bị cáo lao động phục vụ cộng đồng.

Áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo C V Q , V Q T tương ứng với số tiền các bị cáo sử dụng vào đánh bạc, cũng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành người tốt và có ích cho xã hội.

[5]. Khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo P K K h. Bị cáo H Q Đ là người cao tuổi, bị cáo N V B là người khuyết tật nên được miễn khấu trừ thu nhập.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”.

Căn cứ vào tình hình tài sản và thu nhập thực tế và độ tuổi của các bị cáo: Xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo N V B , H Q Đ , P K K .

[7]. Về xử lý vật chứng: Các vật chứng là 05 ghê nhựa màu nâu, 01 bàn tròn loại bàn gấp bằng kim loại, 01 vỏ chăn có hoa văn, 01 vỏ hộp sữa ensure bằng kim loại. Đây là tài sản của gia đình bị cáo N V B đồng thời là vật chứng trong vụ án

mà các bị cáo sử dụng để làm công cụ, phương tiện để đánh bạc. Tại phiên toà bị cáo B xác định các tài sản là của gia đình bị cáo nhưng không còn giá trị và bị cáo không xin lại nên cần tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với 52 quân bài Tú lơ khơ, đây là vật chứng các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với số tiền là 14.410.000đ (Mười bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng). Đây là khoản tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu để nộp vào ngân sách nhà nước.

- 01 ví da màu nâu của bị cáo Q ; 01 ví da màu nâu của bị cáo Đ . Đây là tài sản của các bị cáo không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho các bị cáo.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo P K K .

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, p, x, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo N V B .

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, o, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo H Q Đ .

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, o, s, v khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo C V Q .

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V Q T .

[2]. Tuyên bố các bị cáo P K K , V Q T , H Q Đ , C V Q , N V B phạm tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo P K K 13 (Mười ba) tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 17/11/2022 đến ngày 20/11/2022 là 03 ngày tạm giữ được quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo K còn phải chấp hành là 12 (Mười hai) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo tính từ ngày UBND xã Đ , huyện C K , tỉnh P T được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo P K K cho UBND xã Đ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương xã Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Buộc bị cáo P K K phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và 05 ngày trong một tuần.

Trong thời gian thực hiện hình phạt cải tạo không giam giữ bị cáo P K K phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại luật Thi hành án hình sự.

+ Xử phạt bị cáo H Q Đ 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 17/11/2022 đến ngày 20/11/2022 là 03 ngày tạm giữ được quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Đ còn phải chấp hành là 06 (sáu) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo tính từ ngày UBND xã Đ , huyện C K , tỉnh P T được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo H Q Đ cho UBND xã Đ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương xã Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo N V B 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 17/11/2022 đến ngày 20/11/2022 là 03 ngày tạm giữ được quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo B còn phải chấp hành hình phạt là 06 (sáu) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo tính từ ngày UBND xã Y , huyện C K , tỉnh P T được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo N V B cho UBND xã Y D giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương xã Y trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong Thời gian thực hiện hình phạt cải tạo không giam giữ các bị cáo H Q Đ , N V B phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại luật Thi hành án hình sự

+ Xử phạt bị cáo V Q T 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo C V Q 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

[3]. Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo P K K , H Q Đ , N V B .

[4]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1; khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu để tiêu hủy 05 ghế nhựa màu nâu; 01 bàn tròn loại bàn gấp bằng kim loại, 01 vỏ chăn có hoa văn, 01 vỏ hộp sữa ensure bằng kim loại và 052 quần bài Tú lơ khơ.

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 14.410.000đ (Mười bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo C V Q và bị cáo H Q Đ 01 ví da màu nâu *(như biên bản giao nhận vật chứng đến cơ quan thi hành án Dân sự huyện C K ngày 13/01/2023)*

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh P T để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an Huyện C K;
- Chi cục THADS Huyện C K ;
- Sở tư pháp tỉnh P T ;
- THA- HS;
- Các bị cáo;
- UBND xã Đ , Y , xã Đ , huyện C K ,
xã T, huyện P N;
- phường T, quận N -
TP.H;
- Lưu Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thảo